

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2026/KDTM-ST

Ngày 18 - 3 - 2026

V/v Tranh chấp hợp đồng thi công

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Thanh Liêm;

Ông Trịnh Anh Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cúc, là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1
- Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trong các ngày 27 tháng 02, 18 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2025/TLST-KDTM ngày 19 tháng 11 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng thi công theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2026/QĐXXST-KDTM ngày 12 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên V;

Địa chỉ: Lô A, đường N, khóm E, phường A, tỉnh Cà Mau.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lâm Hồng C, sinh ngày 02/02/1960. CCCD số 092160002632 (có mặt).

Địa chỉ: số B, đường Q, khóm B, phường T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Công ty cổ phần T;

Địa chỉ: Lô A, đường số A, khu đô thị H, phường T, tỉnh Cà Mau.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Văn Q – Chức vụ: Tổng Giám đốc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn trình bày:*

Vào ngày 02/8/2019 giữa Công ty cổ phần T (gọi tắt: Công ty T) và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên V (gọi tắt: Công ty V) đã thỏa thuận ký “Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 19e/2019/HĐXD”. Nội dung: Thi công xây dựng đường gom cầu Kênh Ngang (giai đoạn 1) thuộc dự án đầu tư xây dựng đường cứu hộ, cứu nạn đê biển Tây, phục vụ Quốc phòng, an ninh khu vực Hòn Đá Bạc kết

hợp phòng cháy rừng Vườn quốc gia U Minh hạ tỉnh Cà Mau (đường Tắc Thủ - Vàm Đá Bạc).

Tổng giá trị hợp đồng là 1.050.894.000 đồng.

Cùng ngày 02/8/2019 giữa Công ty V và Công ty T ký “Phụ lục hợp đồng thi công xây dựng công trình số 19e/2019/PLHD” gói thầu 19e: Điều chỉnh đơn giá xây dựng đường gom cầu Kênh Ngang và sửa chữa đường giao thông nông thôn cuối tuyến giai đoạn 1 của dự án đầu tư xây dựng đường cứu hộ, cứu nạn đê biển Tây, phục vụ Quốc phòng, an ninh khu vực Hòn Đá Bạc kết hợp phòng cháy rừng Vườn quốc gia U Minh hạ tỉnh Cà Mau (đường Tắc Thủ - Vàm Đá Bạc); giá trị phụ lục phát sinh là 797.386.000 đồng.

Công ty V đã thực hiện xong khối lượng công việc đúng theo hợp đồng nên đôi bên đã tiến hành nghiệm thu dưới sự giám sát của Công ty cổ phần T1, thể hiện tại “Biên bản số 01/GO119e/NTKL và số 02/GO119e/NTKL nghiệm thu khối lượng hoàn thành” cùng ngày 26/12/2019.

Ngày 27/12/2019 Công ty V đã ký và gửi hai giấy “Đề nghị thanh toán” đến Công ty T yêu cầu thanh toán:

+ Khối lượng hoàn thành đợt 1 là 945.804.600đ (1.0509.894.000đ – 10% giá trị giữ lại bảo hành) ;

+ Khối lượng phát sinh hoàn thành là 717.647.400đ (797.386.000đ – 10% giá trị giữ lại bảo hành).

Đến ngày 30/12/2020 Công ty V đã xuất hoá đơn giá trị gia tăng với tổng số tiền là 1.848.280.000 đồng và đã chuyển hoá đơn đến Công ty T, tuy nhiên đến nay Công ty T vẫn chưa thanh toán. Do thời gian dài không thanh toán đã gây thiệt hại đến quyền lợi nên Công ty V yêu cầu Công ty T phải thanh toán lãi theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự là 0,83% mỗi tháng trên số tiền chậm thanh toán, cụ thể: Thời gian chậm thanh toán tính từ ngày 30/12/2019 đến ngày xét xử (ngày 18/3/2026) là 74 tháng 18 ngày bằng số tiền 1.144.418.000 đồng.

Vì vậy nay Công ty V yêu cầu Công ty T thanh toán cho Công ty V tổng số tiền 2.992.698.000 đồng. Trong đó: tiền chậm thanh toán 1.848.280.000đ, tiền lãi 1.144.418.000 đồng.

- Tại bản tự khai, đại diện bị đơn trình bày:

Công ty T (Chủ đầu tư) và Công ty V (Nhà thầu) có ký hợp đồng thi công xây dựng công trình số 19e/2019/HĐXD ngày 02/8/2019 về việc thi công xây dựng đường gom cầu Kênh Ngang (Giai đoạn 1) thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường cứu hộ, cứu nạn đê biển Tây, phục vụ quốc phòng, an ninh khu vực Hòn Đá Bạc kết hợp phòng chống cháy rừng Vườn quốc gia U Minh hạ tỉnh Cà Mau (đường Tắc Thủ - Vàm Đá Bạc). Giá trị hợp đồng: 1.050.894.000 đồng (Một tỷ không trăm năm mươi triệu tám trăm chín mươi bốn nghìn đồng)

Và Phụ lục hợp đồng số 19e/2019/PLHD ngày 02/8/2019 về việc: Điều chỉnh đơn giá xây dựng đường gom cầu Kênh Ngang và sửa chữa đường giao thông cuối tuyến (giai đoạn 1). Giá trị phụ lục hợp đồng: 797.386.000 đồng (Bảy trăm chín mươi bảy triệu ba trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

Tổng giá trị hợp đồng là: 1.848.280.000 đồng.

Đến nay công trình đã thi công hoàn thành và được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng. Công ty V đã xuất hoá đơn giá trị gia tăng số 0000941 ngày 30/12/2020

giá trị hoá đơn là: 1.848.280.000 đồng. Tuy nhiên đến nay Công ty T vẫn chưa nhận được hồ sơ thanh, quyết toán của Công ty V để làm cơ sở cho việc thanh quyết toán hợp đồng.

Hiện nay Công ty T đang triển khai các công việc liên quan về việc thanh quyết toán hợp đồng về việc thực hiện dự án đầu tư ... tạo nguồn tài chính thanh toán cho các gói thầu thuộc dự án trong đó có gói thầu số 19e/2019/HĐXD ngày 02/8/2019 do Công ty V thực hiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Công ty T đã được tổng đạt hợp lệ đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng đương sự vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 19e/2019/HĐXD, Phụ lục hợp đồng số 19e/2019/PLHD ngày 02/8/2019 giữa Công ty T và Công ty V được thiết lập trên tinh thần tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên các bên phải có trách nhiệm thực hiện. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty V đã thực hiện hoàn thành công việc theo hợp đồng và được nghiệm thu tại Biên bản số 01/GO119e/NTKL và số 02/GO119e/NTKL nghiệm thu khối lượng hoàn thành” cùng ngày 26/12/2019 và được Công ty T thừa nhận. Tuy nhiên, Công ty T cho rằng chưa nhận được hồ sơ thanh, quyết toán của Công ty V để làm cơ sở cho việc thanh quyết toán hợp đồng, trong khi đó Công ty T thừa nhận đang triển khai các công việc liên quan về việc thanh quyết toán hợp đồng về việc thực hiện dự án đầu tư. Đối với đại diện nguyên đơn xác định hồ sơ thanh quyết toán đã giao nộp cho Công ty T đầy đủ, việc này được nhân viên Công ty thừa nhận, do đó trình bày của đại diện nguyên đơn là có cơ sở, bị đơn đã vi phạm hợp đồng nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền theo hợp đồng là 1.848.280.000 đồng có cơ sở chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc tính lãi suất:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 30/12/2019 đến ngày 18/3/2026, mức lãi suất 0,83%/tháng với số tiền 1.144.418.000 đồng. Xét thấy, ngày 26/12/2019 nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng, đối chiếu các Điều 7, 8 Hợp đồng thì bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán thời gian dài, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng theo quy định của pháp luật là có cơ sở chấp nhận. Vì vậy cần buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi 1.144.418.000 đồng (làm tròn số) (lãi suất 0,83%/tháng x 74 tháng 18 ngày).

Tổng yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận là 2.992.698.000 đồng, cần buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 30, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 468 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Công ty cổ phần T có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên V số tiền còn nợ của Hợp đồng số 19e/2019/HĐXD, 19e/2019/PLHĐ ngày 02/8/2019 tổng cộng là: 2.992.698.000 đồng (Hai tỷ chín trăm chín mươi hai triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn đồng). Trong đó: Nợ theo hợp đồng 1.848.280.000 đồng; nợ tiền lãi chậm thanh toán 1.144.418.000 đồng.

Kể từ ngày Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty cổ phần T không thi hành xong khoản tiền trên, thì còn phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch:

+ Công ty cổ phần T phải chịu số tiền là 91.854.000 đồng (Chưa nộp).

+ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên V không phải chịu án phí. Ngày 19/11/2025 Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên V đã nộp tạm ứng án phí số tiền 45.221.000 đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau theo biên lai số 0004920 được hoàn lại toàn bộ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND KV1 - Cà Mau;
- THADS Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ;
- Lưu: Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Thu